TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:**352/2018/QĐST–HNGĐ**	*A, ngày 12 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: **284/2018/TLST- HNGĐ** ngày **29** tháng **8** năm **2018** giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm: **1981**
Bị đơn: Ông **Võ Văn L,** sinh năm: **1980**
Cùng cư trú: tổ 13, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **04** tháng **10** năm **2018**

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **04** tháng **10** năm **2018** là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn **7** (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Thu H – ông Võ Văn L

2/Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ con chung: Bà H – ông Lê thống nhất có 02 con chung tên Võ Văn N, sinh năm: 1998 và Võ Văn N sinh ngày 07/6/2007, hiện sống với bà H. Cháu N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, ông L đồng ý cho bà H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Công nhận tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của bà H.

Bà H và những người thân trong gia đình tạo điều kiện cho ông L tới lui thăm con chung, không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên.

*Về quan hệ tài sản chung***:** Bà H – ông L xác định không có tài sản chung.

*Về quan hệ nợ chung***:** Bà H – ông L xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà.

Về án phí: Bà Trần Thị Thu H tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009242 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, bà H được hoàn lại 150.000 đồng.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-VKS huyện ;
- THA huyện;
- Các đ/s;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ;
-Lưu VP.

(Đã ký)

Lê Thanh Hoàng